

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-PT  
Ngày: 10 - 8 - 2022  
V/v Tranh chấp quyền sử dụng  
đất.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Vân

Ông Huỳnh Châu Thạch

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Bà Đỗ Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện BL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2022/QĐ-PT ngày 21/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn M, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn S, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn S, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn S, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2019).

2. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số B, đường TP, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

3. Ông Nguyễn Quốc T1.

Địa chỉ: Số N đường Q, Phường H, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1970;

Bà Vũ Thị Minh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số B T, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

5. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn M, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

6. Ủy ban nhân dân xã LT, huyện BL.

Địa chỉ: Xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Ngọc C, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Ngọc H; chức vụ: Công chức Địa chính – Xây dựng.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Dương Văn T, bị đơn ông Nguyễn Quốc D.

*(Ông D, ông T2 có mặt tại phiên tòa; ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo bản án sơ thẩm,*

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/10/2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:*

Năm 2006, ông T nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn Hiếu thửa 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL, hình dạng thửa đất không vuông vức, diện tích 320m<sup>2</sup>. Khi nhận chuyển nhượng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã sang tên cho ông T. Năm 2015, ông Nguyễn Quốc D xây nhà trên đất của ông với diện tích 20,48m<sup>2</sup> và ngăn cản không cho ông đi lại nên ông T yêu cầu tháo dỡ nhưng ông D không đồng ý. Do vậy, ông đã báo cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện BL xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 10/8/2015, UBND xã LT đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông D. Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 123/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2015, UBND xã LT đã xử phạt vi phạm hành chính đối với ông D với số tiền 2.500.000đ, đồng thời buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép nhưng đến nay ông D vẫn chưa thực hiện.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông D phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 20,48m<sup>2</sup>, đồng thời buộc tháo dỡ công trình xây dựng và yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại 3.000.000đ/tháng do hành vi lấn chiếm đất làm cho ông không canh tác sử dụng đất được, thời gian tính từ tháng 8/2015 đến tháng 12/2021 là 74 tháng với số tiền là 220.000.000đ (tính tròn).

*Bị đơn ông Nguyễn Quốc D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:* Vào ngày 09/8/1992, ông D và anh trai là Nguyễn Quốc T1 mua chung của vợ chồng ông K'Jaoh và bà Ka Trị ( *cư trú ở Thôn Đại Bình 1, xã Lộc Sơn, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng*) thửa đất vườn sát đường nhựa ( *nay là quốc lộ 55*), chiều ngang theo mặt đường 15m, chiều dài (*chiều sâu*) 15m, với giá chuyển nhượng là 02 chỉ vàng và 100.000đ, thửa đất có tứ cận: phía Bắc giáp

đất vườn ông K'Joch, phía Nam giáp đất vườn ông Trần Văn Vương, phía Tây giáp đường, phía Đông giáp hồ Đá. Khi chuyển nhượng, ông D không trực tiếp mà nhờ anh trai là ông T1 trực tiếp giao dịch với vợ chồng ông K'Jaoh và bà Ka Tri. Hai bên có lập sang nhượng đất viết tay vào ngày 09/8/1992, ông T1 trực tiếp thanh toán đủ tiền mua đất cho vợ chồng ông K'Jaoh và bà Ka Tri và nhận đất sử dụng nhưng không có mặt ông D.

Sau đó, giữa ông D và ông T1 đã phân chia phần ranh giới thửa đất trên cho mỗi bên, phần đất của ông Nguyễn Quốc T1 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T2, phần đất còn lại của ông. Năm 2015, gia đình ông xây dựng căn nhà cấp 4 có diện tích 42m<sup>2</sup> thì bị UBND xã LT xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000đ, đồng thời buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép nhưng đến nay ông D vẫn chưa thực hiện.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 20,48m<sup>2</sup>, đồng thời buộc tháo dỡ công trình xây dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại 3.000.000đ/tháng tính từ tháng 8/2015 đến tháng 12/2021 là 74 tháng với số tiền là 220.000.000đ thì ông không đồng ý.

Về yêu cầu khởi kiện của ông T2 buộc ông phải trả lại diện tích đã lấn chiếm là 08m<sup>2</sup> (01m x 08m) thuộc thửa 125, tờ bản đồ số 29, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng ông không đồng ý, vì ông không lấn chiếm đất của ông T2.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Bà Nguyễn Thị O trình bày:* Thửa đất số 122, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL do bà đứng tên chủ sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng ông T đã lấn chiếm 49m<sup>2</sup>. Nay bà yêu cầu ông T trả lại phần đất lấn chiếm nêu trên. Tòa án chưa thụ lý giải quyết thì ngày 28/10/2021 bà đã rút đơn khởi kiện, không yêu cầu giải quyết.

*Ông Nguyễn Quốc T1 trình bày:* Năm 1992 ông và em trai là Nguyễn Quốc D mua chung 01 thửa đất sát Quốc lộ 55, tại thôn 16, xã LT, huyện BL của ông K'Jaoh. Đến khoảng năm 2005, ông bán một phần đất trên (*phần nửa*) cho ông Nguyễn Văn T2. Kể từ ngày bán cho ông T2, ông không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến thửa đất.

*Ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị Minh H trình bày:* Ngày 30/7/2005, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc T1 phần đất thửa 125, tờ bản đồ số 29, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng diện tích 112,5m<sup>2</sup> (7,5m x 15m), diện tích đất này ông T1 mua chung với ông D. Năm 2015, ông Nguyễn Quốc D xây dựng nhà không thông báo cho ông bà biết, thời điểm này chưa phân định ranh giới đất giữa hai bên. Năm 2019, ông bà phát hiện ông D lấn chiếm 08m<sup>2</sup> (01m x 8m) của ông bà. Nay khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc D phải trả lại diện tích 08m<sup>2</sup> đất cho ông bà.

*Bà Ngô Thị M trình bày:* Theo thông báo kết quả trích đo địa chính thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất thì có 56m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa đất 124, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT do bà đứng tên chủ sử dụng đất nhưng ranh giới đất của bà sử dụng rõ ràng nên bà không khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Đại diện UBND xã LT trình bày:* Ngày 25/8/2015, UBND xã LT ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 123/QĐ-XPVPHC về việc xây dựng công trình tạm thời khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với ông Nguyễn Quốc D, trong đó phạt tiền 2.500.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải dỡ bỏ công trình tạm thời và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. Sau khi ban hành quyết định, ông D đã thực hiện việc đóng đủ tiền phạt, còn biện pháp khắc phục hậu quả thì ông D chưa thực hiện.

Ngày 08/3/2017, UBND xã ban hành thông báo số 15/TB-UBND yêu cầu ông D tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm theo nội dung trong điều 1 của quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 123/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 nhưng ông D không thực hiện.

Hiện nay công trình của ông D vẫn đang tồn tại, UBND xã LT không tổ chức cưỡng chế công trình xây dựng vi phạm hành Lg bảo vệ đường bộ của ông D là do hiện nay dọc theo tuyến đường quốc lộ 55 trên địa bàn xã LT có rất nhiều công trình vi phạm hành Lg bảo vệ đường bộ tương tự như trường hợp của ông D (chiếm khoảng 75%). Nếu tháo dỡ thì phải thực hiện đồng loạt, không chỉ riêng hộ ông D.

Tòa án đã T2 hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện BL đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc D về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Buộc ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị L phải trả lại diện tích 4.8m<sup>2</sup>, trên đất có hàng rào cột bê tông + kẽm gai thuộc một phần thửa đất 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL cho ông Dương Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T đối với diện tích 15.68m<sup>2</sup> thuộc một thửa đất 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL cho ông Dương Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị Minh H về việc buộc ông Nguyễn Quốc D trả lại diện tích 08m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL.

*(Kèm theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính ngày 31/5/2021).*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T về việc buộc ông Nguyễn Quốc D bồi thường thiệt hại với số tiền là 220.000.000đ.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T về việc buộc tháo dỡ công trình xây dựng là căn nhà cấp 4, hàng rào, công trình phụ của gia đình ông D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 10/5/2022, nguyên đơn ông Dương Văn T kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Quốc D phải trả diện tích đất lấn chiếm là 20,48m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 125 tờ bản đồ số 29 (cũ) xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; yêu cầu ông D tháo dỡ công trình xây dựng trên đất và bồi thường thiệt hại số tiền 220.000.000đ.

Ngày 05/4/2022, bị đơn ông Nguyễn Quốc D kháng cáo không đồng ý trả lại diện tích 4,8m<sup>2</sup> trên đất có hàng rào cột bê tông, kẽm gai thuộc một phần thửa đất số 125 tờ bản đồ số 29 (cũ) xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng cho ông T. Ngày 09/8/2022 ông D có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại do việc phá nhà tạm, hàng rào và cây trồng trên đất cho gia đình ông.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Nguyên đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn ông T trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông D không đồng ý với kháng cáo của ông T và đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, không chấp nhận kháng cáo của ông D. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông D phải tháo dỡ hàng rào cột bê tông + kẽm gai trên diện tích 4,8m<sup>2</sup> đất lấn chiếm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Dương Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc D trả lại diện tích đất lấn chiếm là 20,48m<sup>2</sup> thuộc thửa 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL, buộc tháo dỡ công trình xây dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 220.000.000đ. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị Minh H có yêu cầu độc lập buộc ông Nguyễn Quốc D trả lại diện tích 08m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu ông D trả diện tích 20,48m<sup>2</sup> và kháng cáo của ông D yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông T thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ thể hiện, năm 2006 ông T nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn Hiếu diện tích đất 320m<sup>2</sup> thuộc thửa 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng và đã sang tên cho ông T sử dụng. Năm 2015, ông T cho rằng ông Nguyễn Quốc D xây dựng căn nhà cấp 4 có diện tích 42m<sup>2</sup> thuộc phần đất của ông T và ông T đã báo lên Ủy ban nhân dân xã LT thì ông D bị

UBND xã LT xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000đ và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép nhưng đến nay ông D vẫn chưa thực hiện.

Ông D cho rằng phần đất gia đình ông đang quản lý sử dụng có nguồn gốc năm 1992 ông và ông T1 cùng nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông K'Jaoh và bà Ka Tri. Khi nhận chuyển nhượng ông T1 trực tiếp giao dịch với vợ chồng ông K'Jaoh và bà Ka Tri, sau đó phân chia mỗi bên một nửa. Phần đất của ông T1 thì ông T1 chuyển nhượng cho ông T2, bà H theo giấy viết tay ngày 30/7/2005. Nội dung các giấy sang nhượng trên không thể hiện rõ thông tin thửa đất. Theo kết quả đo đạc ngày 31/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện BL thể hiện: Phần đất của gia đình ông D đang sử dụng có 116.9m<sup>2</sup> trong phạm vi đất dành cho đường bộ, phần đất của gia đình ông T2, bà H có 80.9m<sup>2</sup> trong phạm vi đất dành cho đường bộ nên không được phép chuyển nhượng.

Phần ranh giới do ông T xác định có 422,6m<sup>2</sup>, trong đó: có 24,6m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa đất 122, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT được UBND huyện BL cấp cho bà Nguyễn Thị O; có 250,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT được UBND huyện BL cấp cho ông Dương Văn T; có 56m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa đất 124, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT được UBND huyện BL cấp cho bà Ngô Thị M và có 91,4m<sup>2</sup> thuộc lộ giới. Trong phần đất lộ giới thửa 124 và 125 có căn nhà cấp 4 của ông D.

Phần ranh giới do ông D xác định có 122,3m<sup>2</sup>, trong đó: có 4,8m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa đất 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT được UBND huyện BL cấp cho ông T; có 0,6m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa đất 124, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT được UBND huyện BL cấp cho bà Ngô Thị M và 116,9m<sup>2</sup> thuộc lộ giới. Trong phần đất lộ giới thửa 125 có một phần căn nhà cấp 4 của ông D.

Căn cứ vào họa đồ đo vẽ nêu trên có đủ cơ sở xác định, ông D đã lấn chiếm 4.8m<sup>2</sup> thuộc 01 phần Thửa đất 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông D phải trả lại diện tích 4.8m<sup>2</sup>, trên đất có hàng rào cột bê tông + kẽm gai là có căn cứ nhưng không tuyên buộc ông D phải tháo dỡ hàng rào cột bê tông + kẽm gai trên diện tích đất là không đảm bảo cho việc thi hành án nên phải buộc ông D tháo dỡ hàng rào cột bê tông + kẽm gai trên diện tích 4,8m<sup>2</sup> đất lấn chiếm của ông T. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông D, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông T yêu cầu buộc tháo dỡ công trình xây dựng là căn nhà cấp 4, hàng rào, công trình phụ của gia đình ông D. Theo họa đồ đo vẽ và cấp sơ thẩm cũng đã xác minh phần đất ông D đang sử dụng thuộc thửa 526, tờ bản đồ 29 (cũ) là thửa đất lộ giới dành cho đường bộ, thuộc lộ giới của thửa đất 124 và 125 không cấp cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Ủy ban nhân dân xã LT đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 123/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 có hiệu lực pháp luật nên ông T có quyền đề nghị UBND xã LT thực hiện việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật. Việc UBND xã LT cho rằng không tổ chức cưỡng chế công trình xây dựng vi phạm hành Lg bảo vệ đường bộ của ông D là do hiện nay dọc theo tuyến đường quốc lộ 55 trên địa bàn xã LT có rất nhiều công trình vi phạm hành Lg bảo vệ đường

bộ tương tự như trường hợp của ông D (khoảng 75%). Nếu tháo dỡ thì phải thực hiện đồng loạt, không chỉ riêng hộ ông D là chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý hành chính nhà nước. Cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu này của ông T là đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T

[2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại: Ông T kháng cáo yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại số tiền là 220.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh về việc bị thiệt hại do ông D gây ra nên không có căn cứ chấp nhận. Ông D kháng cáo bổ sung yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại do việc phá nhà tạm, hàng rào và cây trồng trên đất gây thiệt hại cho gia đình ông. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm ông D không yêu cầu, cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, không chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ.

Buộc ông Nguyễn Quốc D phải thanh toán lại cho ông Dương Văn T số tiền là 11.016.700đ.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị Minh H phải chịu số tiền 3.056.000đ (ông T2, bà H đã ứng chi và quyết toán xong).

[4] Về án phí: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông T, ông D và ông T2, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn T. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc D. Sửa bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc D về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Buộc ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ hàng rào cột bê tông + kẽm gai trên diện tích đất 4,8m<sup>2</sup> lấn chiếm, trả lại diện tích 4,8m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL cho ông Dương Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T đối với diện tích 15.68m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL cho ông Dương Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị Minh H về việc buộc ông Nguyễn Quốc D trả lại diện tích 08m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 125, tờ bản đồ 29 (cũ), xã LT, huyện BL.

*(Kèm theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính ngày 31/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BL).*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T về việc buộc ông Nguyễn Quốc D bồi thường thiệt hại với số tiền là 220.000.000đ.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T về việc buộc tháo dỡ công trình xây dựng là căn nhà cấp 4, công trình phụ của gia đình ông D.

**2. Về chi phí tố tụng:** Chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Buộc ông Nguyễn Quốc D phải thanh toán lại cho ông Dương Văn T số tiền là 11.016.700đ.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Vũ Thị Minh H phải chịu số tiền 3.056.000đ (ông T2, bà H đã ứng chi và quyết toán xong).

**3. Về án phí:**

Buộc ông Dương Văn T phải chịu 11.300.000đ (300.000đ + 11.000.000đ) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 1.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004991 ngày 21/11/2017, số tiền 5.550.000đ theo biên lai số 0004135 ngày 28/10/2021 và 300.000đ theo biên lai thu số 004472 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL. Ông T còn phải nộp 3.950.000đ án phí.

Buộc ông Nguyễn Quốc D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004470 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL. Ông D còn phải nộp 300.000đ án phí.

Buộc ông T2, bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 483.047đ theo biên lai thu số AA/2016/0019729 ngày 18/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL. Hoàn trả cho ông T2 và bà H số tiền 183.047đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện BL (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (6);
- Lưu AV - HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Vũ Thị Nguyệt**